

- Câu 41.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng khi nói về hoạt động giao thông biển nước ta?
 A. Chỉ tập trung chuyên chở khách. B. Chuyên chở nhiều hàng hóa xuất nhập khẩu.
 C. Có các tuyến ven bờ Bắc - Nam. D. Có nhiều cảng hàng hóa năng lực kinh tế.
- Câu 42.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 24, cho biết Việt Nam xuất khẩu sang các nước và vùng lãnh thổ có giá trị trên 6 tỉ USD là
 A. Hoa kì và Nhật Bản. B. Nhật Bản và Đài loan.
 C. Hoa kì và Trung Quốc. D. Nhật Bản và Sigapo.
- Câu 43.** Biện pháp phòng chống bão nào dưới đây **không** đúng?
 A. Đồng bằng kết hợp chống úng, lụt, ở vùng núi chống lũ, xói mòn.
 B. Khẩn trương sơ tán dân.
 C. Vùng ven biển củng cố đê điều.
 D. Các tàu thuyền trên biển tìm cách xa bờ.
- Câu 44.** Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU DIỆN TÍCH CÂY CÔNG NGHIỆP NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2005 – 2015.

(đơn vị: %)

Năm	2005	2010	2012	2015
Tổng diện tích	100,0	100,0	100,0	100,0
Cây hàng năm	34,5	28,4	24,7	23,9
Cây lâu năm	65,5	71,6	75,3	76,1

- Biểu đồ nào sau đây thích hợp để thể hiện sự thay đổi cơ cấu diện tích cây công nghiệp nước ta từ năm 2005 đến 2015 theo số liệu trên?
 A. Miền B. Đường C. Tròn D. Cột
- Câu 45.** Tỉnh nào của Tây Nguyên nằm ở biên giới giữa ba nước: Việt Nam, Lào, Campuchia?
 A. Gia Lai B. Đắk Nông C. Kom Tum D. Lâm Đồng
- Câu 46.** Dạng địa hình chiếm diện tích lớn nhất trên lãnh thổ nước ta là
 A. núi cao. B. đồng bằng. C. đồi núi thấp. D. đồi núi trung bình.
- Câu 47.** Dải hội tụ nhiệt đới chạy theo hướng kinh tuyến vào đầu mùa hạ ở nước ta được hình thành do sự hội tụ giữa hai luồng gió nào sau đây?
 A. Tín Phong bán cầu Bắc và Tín Phong bán cầu Nam
 B. Gió Tín phong bán cầu Nam và gió mùa Đông Nam.
 C. Gió Tây Nam từ vịnh Bengan và Tín Phong bán cầu Bắc.
 D. Gió Tây Nam từ vịnh Bengan và Tín Phong bán cầu Nam.
- Câu 48.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây có ngành dịch vụ chiếm tỉ lệ cao nhất trong cơ cấu kinh tế?
 A. Biên Hòa B. Cần Thơ C. Vũng Tàu D. TP. Hồ Chí Minh
- Câu 49.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết vùng Trung Du miền núi Bắc Bộ có các trung tâm công nghiệp nào?

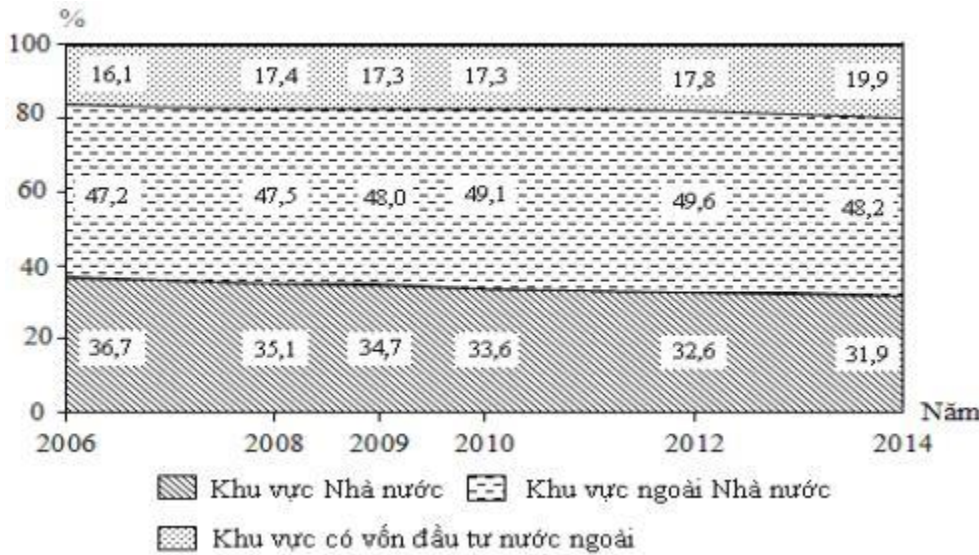
A. Thái Nguyên, Hạ Long, Cẩm Phả.

B. Hải Phòng, hạ Long, Cẩm Phả.

C. Hạ Long, Cẩm Phả, Việt Trì.

D. Hải Phòng , Hạ Long, Thái Nguyên.

Câu 50. Cho biểu đồ về GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014:



Cho biết biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây là đúng nhất về GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014?

A. Giá trị GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.

B. Tốc độ tăng trưởng GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.

C. Quy mô, cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.

D. Chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo thành phần kinh tế của nước ta, giai đoạn 2006 - 2014.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện có công suất trên 1000MW là

A. Thác Bà.

B. Hòa Bình.

C. A Vương.

D. Trị An.

Câu 52. Cho bảng số liệu:

SỐ KHÁCH DU LỊCH QUỐC TẾ ĐẾN VÀ CHỈ TIÊU CỦA KHÁCH DU LỊCH Ở MỘT SỐ KHU VỰC CỦA CHÂU Á NĂM 2014.

Khu vực	Số khách du lịch đến (nghìn lượt)	Chỉ tiêu của khách du lịch (triệu USD)
Đông Á	125966	219931
Đông Nam Á	97262	70578
Tây Nam Á	93016	94255

Nhận xét nào sau đây là đúng khi nói về sự phát triển du lịch ở một số khu vực Châu Á năm 2014?

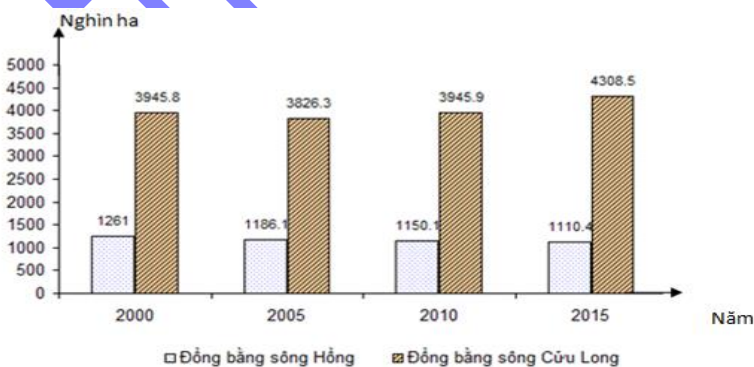
A. Chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách du lịch quốc tế đến Đông Nam Á cao hơn so với khu vực Tây Nam Á.

B. Chi tiêu bình quân của mỗi lượt khách du lịch quốc tế đến Đông Nam Á thấp hơn so với khu vực Đông Á.

C. Số khách du lịch quốc tế đến khu vực Tây Nam Á cao hơn so với khu vực Đông Nam Á.

- D.** Số khách du lịch quốc tế đến với khu vực Đông Nam Á cao hơn so với khu vực Đông Á.
- Câu 53.** Thời gian qua, mức gia tăng dân số ở nước ta giảm do nguyên nhân chủ yếu nào sau đây?
- A. Dân số có xu hướng già hóa.
 - B. Kết quả chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.
 - C. Quy mô dân số giảm.
 - D. Tỷ lệ người trong độ tuổi sinh đẻ giảm.
- Câu 54.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 15, cho biết vùng nào có mật độ dân số cao nhất nước ta?
- A. Đồng bằng Sông Hồng
 - B. Duyên Hải Nam Trung Bộ
 - C. Tây Nguyên
 - D. Đồng bằng Sông Cửu Long
- Câu 55.** Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết nhận định nào **không đúng** về phân bố cây công nghiệp của vùng Bắc Trung Bộ
- A. Chè được trồng nhiều ở vùng Tây Nghệ An.
 - B. Cao su được trồng nhiều ở Quảng Bình.
 - C. Dừa trồng nhiều ở Tây Nghệ An.
 - D. Cao su được trồng nhiều ở Tây Nghệ An.
- Câu 56.** Một trong những khó khăn cho sự phát triển ngành thủy sản ở nước ta trong những năm qua là
- A. nhu cầu ngày càng tăng của thị trường tiêu thụ trong nước.
 - B. nhu cầu ngày càng tăng của thị trường quốc tế.
 - C. hệ thống các cảng cá chưa đáp ứng nhu cầu.
 - D. sự phát triển của công nghiệp chế biến thủy sản.
- Câu 57.** Xu hướng chuyển dịch trong nội bộ ngành ở khu vực I (nông- lâm- ngư nghiệp) là gì?
- A. Tăng tỉ trọng ngành trồng trọt, giảm tỉ trọng ngành chăn nuôi.
 - B. Tỉ trọng ngành dịch vụ nông nghiệp tăng liên tục trong cơ cấu giá trị sản xuất nông nghiệp.
 - C. Tăng tỉ trọng ngành thủy sản, giảm tỉ trọng ngành nông nghiệp.
 - D. Tăng tỉ trọng ngành nông nghiệp, giảm tỉ trọng ngành thủy sản.
- Câu 58.** Yếu tố ảnh hưởng trực tiếp làm cho phần lớn sông ngòi ở nước ta nhỏ, ngắn và độ dốc lớn là:
- A. hình dáng lãnh thổ và khí hậu.
 - B. khí hậu và sự phân bố địa hình.
 - C. địa hình và sự phân bố thổ nhưỡng.
 - D. hình dáng lãnh thổ và sự phân bố địa hình.
- Câu 59.** Cho biểu đồ:

DIỆN TÍCH GIEO TRỒNG LÚA CẢ NĂM CỦA CÁC VÙNG GIAI ĐOẠN 2000 - 2015.



Nhận xét nào sau đây đúng?

- A. Diện tích gieo trồng lúa cả năm của Đồng bằng sông Hồng tăng liên tục.

- B. Diện tích gieo trồng lúa cả năm của cả hai đồng bằng đều tăng giảm không ổn định.
 C. Diện tích gieo trồng lúa cả năm của Đồng bằng sông Cửu Long tăng liên tục.
 D. Diện tích gieo trồng lúa cả năm của Đồng bằng sông Hồng cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long.

Câu 60. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết cao nguyên nào **không** thuộc vùng Tây Nguyên?

- A. Lâm Viên B. Đăk Lăk C. Mơ Nông D. Mộc Châu

Câu 61. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 13, cho biết nhận định nào sau đây đúng nhất về đặc điểm bốn cánh cung ở vùng núi Đông Bắc?

- A. So le với nhau. B. Có hướng Tây Bắc - Đông Nam.
 C. Song song với nhau. D. Mở rộng ở phía Bắc và đông, chụm lại ở Tam Đảo.

Câu 62. Hiện nay thị trường buôn bán của nước ta được mở rộng

- A. nhưng chưa có quan hệ với các nước Tây Âu.
 B. theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa.
 C. theo hướng chú trọng đến các nước XHCN.
 D. nhưng chưa có mối quan hệ với các nước Mĩ La - Tinh.

Câu 63. Biểu hiện rõ nhất của sức ép dân số lên tài nguyên ở vùng Đồng bằng Sông Hồng là gì?

- A. Khí hậu ngày càng khắc nghiệt. B. Bình quân đất canh tác trên đầu người giảm.
 C. Chất lượng nguồn nước giảm. D. Độ màu mỡ của đất giảm.

Câu 64. Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ khác với Bắc Trung Bộ về khí hậu là

- A. mưa vào mùa hè - thu. B. mưa vào đầu hạ. C. mưa vào mùa đông. D. mưa vào thu - đông.

Câu 65. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh có sản lượng lúa cao nhất

- A. Trà Vinh B. Sóc Trăng C. Cần Thơ D. An Giang

Câu 66. Khó khăn lớn nhất đối với phát triển nông nghiệp vào mùa khô ở Đồng Bằng Sông Cửu Long vào mùa khô là gì?

- A. xâm nhập mặn và phèn. B. Thiếu nước ngọt.
 C. Thủy triều tác động mạnh. D. Cháy rừng.

Câu 67. Rừng ven biển ở Bắc Trung Bộ được xếp vào loại

- A. rừng phòng hộ. B. rừng đầu nguồn. C. rừng đặc dụng. D. rừng sản xuất.

Câu 68. Năng suất lúa ở đồng bằng Sông Hồng cao nhất cả nước là do

- A. diện tích ngày càng được mở rộng. B. đẩy mạnh sản xuất theo hình thức thâm canh.
 C. người lao động có nhiều kinh nghiệm. D. tăng vụ.

Câu 69. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu ở nước ta là

- A. hàng tiêu dùng. B. tư liệu sản xuất.
 C. phương tiện giao thông. D. khoáng sản và nguyên liệu.

Câu 70. Việc hình thành cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp ở vùng Bắc Trung Bộ góp phần

- A. tạo cơ cấu kinh tế liên hoàn giữa các vùng. B. tạo liên kết giữa các vùng khác.
 C. hình thành các đô thị mới ở vùng miền núi. D. tạo sự phân hóa giữa các vùng.

Câu 71. Ở Trung du miền núi Bắc Bộ trâu được nuôi nhiều hơn bò là do

- A. trâu ưa ẩm và chịu lạnh hơn bò nên thích hợp với khí hậu của vùng.
 B. truyền thống chăn nuôi.
 C. trâu chịu lạnh kém hơn bò.
 D. có nhiều đồng cỏ rộng lớn.

Câu 72. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 25, cho biết trung tâm du lịch có ý nghĩa vùng của TD&MNBB là

A. Hạ Long và Điện Biên phủ.

B. Thái Nguyên và Việt Trì.

C. Hạ Long và Thái Nguyên.

D. Hạ Long và Lạng Sơn.

Câu 73. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, cho biết trung tâm công nghiệp nào có qui mô trên 120 nghìn tỉ đồng của vùng Đông Nam Bộ?

A. Biên Hòa

B. Thủ Dầu Một

C. TP. Hồ Chí Minh

D. Vũng Tàu

Câu 74. Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều vùng trũng lớn chưa được bồi đắp xong như

A. cực nam Cà Mau.

B. Đồng Tháp Mười, tứ giác Long Xuyên.

C. ven biển Đông.

D. dọc theo sông Tiền sông Hậu.

Câu 75. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết sông Đà thuộc lưu vực sông nào sau đây?

A. Lưu vực sông Kỳ Cùng - Bằng Giang

B. Lưu vực sông Mã

C. Lưu vực sông Hồng

D. Lưu vực sông Thái Bình

Câu 76. Trong nghề cá, Duyên Hải Nam Trung Bộ có ưu thế hơn vùng Bắc Trung Bộ là do

A. bờ biển có nhiều vũng, vịnh, đầm phá.

B. tất cả các tỉnh đều giáp biển.

C. có các ngư trường rộng, đặc biệt là hai ngư trường xa bờ.

D. có các dòng biển nóng gần bờ.

Câu 77. Thế mạnh nào dưới đây là của vùng Trung Du và miền núi Bắc Bộ?

A. Khai thác và chế biến khoáng sản, thủy điện.

B. Khai thác và chế biến dầu khí, thủy điện.

C. Khai thác và chế biến lâm sản, trồng lúa.

D. Khai thác và chế biến bôxít, thủy sản.

Câu 78. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh, thành phố nào sau đây **không** giáp biển Đông?

A. Hà Nam

B. Phú Yên

C. Quảng Ngãi

D. Hải dương

Câu 79. Căn cứ vào Atlas địa lí Việt Nam trang 9, cho biết vùng khí hậu nào chịu ảnh hưởng nhiều nhất của gió Tây khô nóng?

A. Nam Bộ

B. Bắc Trung Bộ

C. Tây Bắc Bộ

D. Nam Trung Bộ

Câu 80. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết cao nguyên nào có độ cao trung bình lớn nhất ở Tây Nguyên?

A. Lâm Viên

B. Bảo Lộc

C. Đắk Lắk

D. Mơ Nông

ĐÁP ÁN

41	A	46	C	51	B	56	C	61	D	66	B	71	A	76	C
42	A	47	C	52	C	57	C	62	B	67	A	72	D	77	A
43	D	48	D	53	B	58	D	63	B	68	B	73	C	78	D
44	A	49	A	54	A	59	B	64	D	69	B	74	B	79	B
45	C	50	D	55	C	60	D	65	D	70	A	75	C	80	A